

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v: “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”

01/11/2005 với diện tích là 480m² tại thửa số 208 tờ bản đồ số 6 ở xứ đồng Cây Pheo đều ở tại thôn C, xã N mang tên anh Nguyễn Văn L - Nguyễn Thị D. Sau khi cho anh Ch vay tiền quá hạn anh gặp anh Ch để đòi nợ nhưng anh Ch không trả. Nay anh yêu cầu anh Ch phải thanh toán trả cho anh số tiền là 38.000.000 đồng tiền gốc, không yêu cầu lãi suất. Anh H cho rằng số tiền anh cho anh Ch vay là tiền kinh doanh riêng của anh không liên quan gì đến vợ anh là chị Nguyễn Thị Bích Th. Chị Lương Thị H vợ anh Ch không biết việc vay nợ của anh Ch nên không liên quan gì đến chị H. Do vậy anh H đề nghị không đưa chị Th vợ anh và chị H vợ anh Ch vào tham gia tố tụng trong vụ án này.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Ch vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai trình bày: vào ngày 28/12/2009 anh có vay của anh Dương Xuân H số tiền 25.000.000 đồng tiền gốc. Hai bên thống nhất thỏa thuận thời hạn vay 15 ngày, lãi suất là 2000 đồng/ triệu/ ngày. Anh vay số tiền gốc là 25.000.000 đồng nhưng anh H tính lãi lên và viết giấy vay là 38.000.000 đồng. Khi vay tiền có anh B ở thôn Tr, xã C chứng kiến việc vay nợ giữa anh và anh H. Anh vay tiền anh H là để chi tiêu cá nhân không liên quan gì đến vợ anh chị L Thị H vì khi vay tiền anh H chị H đang ở nước ngoài không biết việc anh vay tiền anh H. Anh Ch xác nhận chữ ký Nguyễn Văn Ch của người vay tiền trong giấy vay tiền là của anh. Khi vay tiền anh H anh có thể chấp cho anh H 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp gồm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ555670 cấp ngày 01/11/2005 với diện tích là 403m² tại thửa số 870 tờ bản đồ số 6 ở xứ đồng Bãi Quốc; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ555668 cấp ngày 01/11/2005 với diện tích là 480m² tại thửa số 208 tờ bản đồ số 6 ở xứ đồng Cây Pheo đều ở tại thôn C, xã N mang tên anh Nguyễn Văn L - Nguyễn Thị D. Anh L là con của chị gái anh Ch, việc anh thế chấp 02 bìa đỏ mang tên anh L, chị D đều được anh L chị D đồng ý nhưng hiện nay vợ chồng anh L đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài không có mặt tại địa phương. Từ khi vay đến nay anh chưa trả tiền gốc cho anh H. Nay anh H yêu cầu anh phải thanh toán trả số tiền 38.000.000 đồng anh không đồng ý. Anh chỉ đồng ý trả cho anh H số tiền gốc là 25.000.000 đồng. Đối với 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh L chị D mà anh thế chấp cho anh H đến nay anh H đã trả lại cho anh nên anh không đề nghị xem xét giải quyết.

Tòa án đã tiến hành cho đôi chất và mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng các đương sự không thống nhất về việc giải quyết vụ án. Anh H là nguyên đơn đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Các đương sự không có chứng cứ gì khác giao nộp cho Tòa án.

Sau phần tranh luận, kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý

vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Nguyên đơn anh H đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn anh Ch đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án, kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 144, Điều 147; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;. Xử : Chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi tài sản của anh H đối với anh Ch. Buộc anh Ch phải trả cho anh H số tiền gốc 38.000.000 đồng. Buộc anh Ch phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho H số tiền 950.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: anh Nguyễn Văn Ch đã được tổng đạt hợp lệ lần 2 nhưng vắng mặt tại phiên toà. Nên Toà án xét xử vắng mặt anh Ch theo quy định tại Điểm b Khoản 2, Điều 227; Khoản 3, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: nay anh Dương Xuân H kiện đòi anh Nguyễn Văn Ch có trách nhiệm trả khoản tiền vay gốc 38.000.000 đồng là quan hệ tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

[3] Căn cứ khởi kiện của nguyên đơn là giấy biên nhận vay tiền ghi ngày 28/12/2009 chữ ký của người vay là anh Nguyễn Văn Ch ký nhận. Căn cứ vào giấy biên nhận vay tiền đã xác lập giữa các bên và quá trình làm việc giữa anh Dương Xuân H kiện đòi nợ anh Nguyễn Văn Ch thì thấy đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và có lãi suất.

Anh Dương Xuân H đã thực hiện việc cho anh Nguyễn Văn Ch vay tiền và có lập giấy biên nhận. Việc vay tiền có chữ ký của anh Ch. Tại giấy vay tiền ngày 28/12/2009 anh Ch vay anh H số tiền 38.000.000 đồng. Thời hạn thanh toán là 15 ngày sẽ thanh toán số tiền gốc và lãi. Sau khi vay anh H đòi nợ anh Ch nhưng anh Ch không trả anh H tiền gốc và lãi.

Về nghĩa vụ trả nợ: căn cứ vào chứng cứ là giấy biên nhận vay tiền trên phù hợp lời khai của anh H là người cho vay. Như vậy, có cơ sở khẳng định việc vay tiền giữa anh Dương Xuân H và anh Nguyễn Văn Ch là có thật. Anh H có cho anh Ch vay với tổng số tiền gốc là 38.000.000 đồng. Anh H xác định số tiền nợ gốc 38.000.000 đồng đến nay anh H đã đòi nợ nhiều lần nhưng anh Ch chưa trả. Anh Ch xác định anh có vay của anh H số tiền gốc 25.000.000 đồng với lãi suất 2000

đồng/ triệu/ ngày nên anh H đã tính cả gốc và lãi vào và viết giấy biên nhận vay tiền là 38.000.000 đồng. Khi vay có anh B ở thôn Tr, xã C chứng kiến.

Tại biên làm việc với anh Nguyễn Văn B ngày 20/7/2017 xác định anh là bạn của anh Ch và anh H. Anh không nhớ ngày, tháng nào mà chỉ nhớ năm 2009 anh Nguyễn Văn Ch và anh có đến nhà anh H vay tiền của anh H. Khi anh Ch vay tiền anh H thì anh cũng đi cùng nhưng anh Ch vay anh H số tiền cụ thể bao nhiêu, thời hạn vay, lãi suất như nào thì anh không biết. Sau khi vay tiền hai bên đã thanh toán chưa anh không biết. Tại giấy biên nhận vay tiền ngày 28/12/2009 có chữ ký của người vay anh Nguyễn Văn Ch với số tiền 38.000.000 đồng. Anh Ch cũng thừa nhận chữ ký Nguyễn Văn Ch của người vay đúng là chữ ký của anh. Do vậy không có cơ sở về việc anh Ch vay anh H số tiền 25.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy việc anh Ch vay tiền anh H thì chị Lương Thị H vợ anh Ch không có nhà và không biết việc vay nợ. Anh Ch vay tiền anh H để chi tiêu cá nhân. Số tiền anh H cho anh Ch vay là tiền kinh doanh riêng của anh H nên cần buộc anh Nguyễn Văn Ch có trách nhiệm trả nợ cho anh Dương Xuân H số tiền nợ gốc đã vay là 38.000.000 đồng là có cơ sở. Anh H là nguyên đơn không yêu cầu lãi suất nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết về lãi suất.

Đối với 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp gồm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ555670 cấp ngày 01/11/2005 với diện tích là 403m² tại thửa số 870 tờ bản đồ số 6 ở xứ đồng Bãi Quốc; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ555668 cấp ngày 01/11/2005 với diện tích là 480m² tại thửa số 208 tờ bản đồ số 6 ở xứ đồng Cây Pheo đều ở tại thôn C, xã N mang tên anh Nguyễn Văn L - Nguyễn Thị D mà anh Ch khi vay tiền đã thế chấp cho anh H. Do anh H đã trả cho anh Ch 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ555670 cấp ngày 01/11/2005 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ555668 cấp ngày 01/11/2005 mang tên anh Nguyễn Văn L - Nguyễn Thị D. Anh Ch đã nhận lại 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp đã thế chấp cho anh H và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Do các bên không thỏa thuận được về lãi suất sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nên cần án dụng Điều 357, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: anh Nguyễn Văn Ch phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Hoàn trả anh Dương Xuân H tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Về quyền kháng cáo các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt (hoặc niêm yết) bản án quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 194; Điều 357; Điều 463; khoản 1 Điều 465; Điều 466; khoản 2 Điều 468; khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự;

Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 147; Điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

1- Buộc anh Nguyễn Văn Ch có nghĩa vụ trả cho anh Dương Xuân H số tiền gốc là: 38.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền được trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất là 10%/ năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2- Về án phí: anh Nguyễn Văn Ch phải chịu 1.900.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại anh Dương Xuân H số tiền 950.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số: AA/2016/0003583 ngày 31/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS huyện Tân Yên;
- các đương sự;
- Lưu HS, Vp.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Văn Cường

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Đào Xuân Hải

Nguyễn Quốc Sửu

Hoàng Văn Cường